

Số: 677 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 17 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 414/TTr-SNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 07 thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Có Danh mục TTHC kèm theo).

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

1. Cập nhật các thủ tục hành chính được công bố vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định; Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC liên quan, hoàn thành việc cấu hình

thủ tục hành chính trên phần mềm hệ thống xử lý dịch vụ công tập trung.

2. Niêm yết, công khai theo quy định các TTHC đã được ban hành tại Quyết định này kèm theo nội dung chi tiết tại Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Triển khai thực hiện giải quyết các TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định này kèm theo các nội dung đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>) và UBND tỉnh công khai trên Cổng dịch vụ công tỉnh (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn/>) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

Thay thế các TTHC tại số 01, 02 mục 1 phần I, TTHC số 01, 02, 03, 04, 05 mục 2 phần I tại Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VP Chính phủ);
- CT, và PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- TTPVHCC, Công TTĐT;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 677 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

T	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm và cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
I	TTHC cấp tỉnh					
1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. 1.003650	03 ngày làm việc	Không	- Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế. Số 01 Lê Lai, thành phố Huế. - Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.g ov.vn).	1. Luật Thủy sản năm 2017; 2. Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; 3. Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.	Chi cục Thủy sản
2	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. 1.003634	03 ngày làm việc	Không			
3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá. 1.003586	03 ngày làm việc	Không			
4	Xóa đăng ký tàu cá. 1.003681	03 ngày làm việc	Không			
5	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu). 1.003666	02 ngày làm việc	Không			
II	TTHC của cơ quan khác thực hiện					
6	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá. 1.003563	03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành	Theo từng hạng mục Mục II Biểu phí, lệ phí	- Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ	1. Luật Thủy sản năm 2017; 2. Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của	Cơ sở đăng kiểm tàu cá

		kiểm tra	ban hành kèm theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	buu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế. Số 01 Lê Lai, thành phố Huế. - Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; 3. Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản; 4. Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.	
7	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá. 1.003590	20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi).	5% giá thiết kế, theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính			Cơ sở đăng kiểm tàu cá

* **Ghi chú:** 07 TTHC này được sửa đổi, bổ sung về thành phần hồ sơ, mẫu đơn, tờ khai, mẫu kết quả giải quyết TTHC theo Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/TT-BNNPTNT. Ngoài ra, TTHC cấp tỉnh số thứ tự 1, 3 được sửa đổi, bổ sung về Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (theo Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18 tháng 02 năm 2022)